TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HSST
Ngày: 10-8-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đình Quang-Cán bộ hưu trí.

Ông Lê Đình Đức-Hiệu TX Trường Trung học cơ sở Nội trú huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Bình An-Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Phạm Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 07/3/1996 tại huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1965 và bà Đào Thị S, sinh năm 1967; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Năm 2019 bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/5/2021 đến ngày 08/5/2021, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 08/5/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, hiện có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Võ Văn TX, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Trương Thị H, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Thôn T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Phạm Văn B, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 01/5/2021, Phạm Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77H8-1289 đi từ nhà tại thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai tới chợ Đ2 thuộc thôn T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để mua đồ ăn sáng. Đến 7 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi ngang nhà anh Võ Văn TX trú tại thôn T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai thấy cửa cổng mở, cửa phòng khách không đóng, không có người trong nhà nên T nảy sinh ý định đột nhập vào nhà anh TX tìm kiếm tài sản để chiếm đoạt. Lúc này T dựng xe mô tô ở ngoài đường rồi đi bộ vào trong nhà anh TX, thấy trên đầu lục bình bằng gỗ ở phòng khách có đặt 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50 màu xanh dương trong tình trạng không cắm sạc, T đi đến dùng tay phải lấy chiếc điện thoại di động trên bỏ vào túi quần bên phải rồi đi ra xe mô tô của mình dựng trước nhà anh TX chạy về nhà. Trên đường đi, khi đến cầu D (trên đoạn đường Quốc lộ 19) sợ bị phát hiện nên T dừng xe lại tắt nguồn và tháo sim trong điện thoại ra vứt xuống dưới cầu rồi tiếp tục đi về nhà cất giấu chiếc điện thoại trong phòng ngủ. Đến khoảng 12 giờ ngày 04/5/2021 T gọi điện thoại cho chị Trương Thị H trú tại thôn T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai nói *"Có ở nhà không, em chạy lên cắm cái điện thoại"*, chị H trả lời *"Để chiều chị có tiền đã rồi chạy lên"*, T đồng ý. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, T có nhờ Nguyễn Văn T2 sinh năm 1997 là bạn cùng thôn với T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81F1-096.91 chở lên nhà chị H, T2 hỏi *"lên đó làm gì?"*, T trả lời lên có tý việc. Khi đến nhà chị H, T2 đứng đợi ở ngoài, T đi vào nhà chị H và đưa chiếc điện thoại Samsung Galaxy A50 cho chị H xem, chị H hỏi "*điện thoại của ai?*", T nói "*điện thoại của bạn em, nhờ cắm hộ*". Sau khi xem xong chị H và T thỏa thuận nhận cầm cố chiếc điện thoại với giá 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng). Nhận được tiền xong, T ra xe nói T2 chở về nhà của mình. Số tiền 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng) T đã tiêu xài vào mục đích cá nhân hết. Đến khoảng 8 giờ ngày 05/5/2021 Phạm Văn T được Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ triệu tập làm việc, tại Cơ quan điều tra T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản chiếc điện thoại di động của anh Võ Văn TX vào ngày 01/5/2021.

Đối với bị hại Võ Văn TX, ngày 05/5/2021 nhận được thông tin xác định được T trộm cắp chiếc điện thoại di động nên đã viết đơn báo cáo sự việc gửi đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ yêu cầu điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-ĐGTS ngày 05/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện kết luận: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A50, màu xanh dương, số IMEI 1: 356646101257525, Số IMEI 2: 356647101257523, đã qua sử dụng có giá trị là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ thu giữ và xử lý như sau:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A50, màu xanh dương là tài sản hợp pháp của anh Võ Văn TX nên đã trả lại cho anh Võ Văn TX.

- Đối với chiếc sim điện thoại gắn trong máy của anh TX, sau khi chiếm đoạt được điện thoại Phạm Văn T đã tự tháo sim và vứt bỏ dưới cầu D, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản là chiếc điện thoại di động bị chiếm đoạt, bị hại Võ Văn TX tự làm lại sim, không yêu cầu Phạm Văn T bồi thường. Phạm Văn T đã tác động Phạm Văn B (em ruột T) bồi thường cho chị Trương Thị H số tiền 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng), như vậy vấn đề dân sự trong vụ án đã giải quyết xong.

Tại bản cáo trạng số: 16/CT-VKS ngày 16/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị can Phạm Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm b, điểm h, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 06 đến 09 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo vì gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình được chính quyền địa phương xác nhận. Về trách nhiệm dân sự trong vụ án đã giải quyết xong nên không đề cập giải quyết. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn nêu các ý kiến về xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến gì về cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ cũng như lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

Bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt và đơn xin xét xử vắng mặt không có ý kiến về phần bồi thường dân sự, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong quá trình điều tra cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt và tại phiên tòa không có ý kiến hay yêu cầu gì về phần dân sự đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai công bố bản Cáo trạng, bị cáo Phạm Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Đối chiếu lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, phù hợp với kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở pháp lý để để xác định: Vào khoảng 08 giờ 00 phút sáng ngày 01/5/2021, tại thôn T, xã T1, huyện Đ bị cáo Phạm Văn T có hành vi lén lút đột nhập vào nhà anh Võ Văn TX chiếm đoạt 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A50 màu xanh dương, số IMEI 1: 356646101257525, số IMEI 2: 356647101257523 trị giá 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Hành vi đó của bị cáo Phạm Văn T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo là người bình thường, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì tham lam, lười lao động, thích hưởng lợi bất chính trên thành quả lao động của người khác nên đã trực tiếp đi tìm sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản gây hậu quả xấu làm mất an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện, vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội và mức độ lỗi để thể hiện được tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung, nhằm răn đe nâng cao ý thức tuân thủ chấp hành pháp luật cho mọi người dân.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn T có 01 (một) tiền án về tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù giam tại Bản án số 28/2019/HS-ST ngày 28/02/2019, bị cáo chấp hành xong án phạt tù vào ngày 03/5/2019, bị cáo chưa được xóa án tích nay lại phạm tội mới do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tái phạm, tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Lẽ ra bị cáo phải xem lần phạm tội trước làm bài học cho bản thân nhưng bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó, cần phải xử bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo được cải tạo, giáo dục trở thành người có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình lượng hình cần lưu ý xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, cụ thể: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tích cực tác

động gia đình bồi thường khắc phục thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, không ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống kinh tế của gia đình bị hại, đây là 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo khi lượng hình được quy định tại điểm b, điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình được chính quyền địa phương xác nhận, đây là 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác áp dụng cho bị cáo khi lượng hình được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Đối với chị Trương Thị H là người nhận cầm cố 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50 do Phạm Văn T trộm cắp mà có. Tuy nhiên, khi cầm cố vào ban ngày, chị H không biết điện thoại di động do T phạm tội mà có. Đối với Nguyễn Văn T2 là người chở T đi gặp chị H để cầm cố chiếc điện thoại di động, trước khi đi T không nói T2 chở đi mục đích gì và không có nhận được tiền từ việc T cầm cố chiếc điện thoại. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không xử lý đối với Trương Thị H và Nguyễn Văn T2 là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã thỏa thuận giải quyết xong, không có yêu cầu hay tranh chấp gì nên nay không phải xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu nhãn hiệu Sam sung Galaxy A50 màu xanh dương, số IMEI 1: 356646101257525, số IMEI 2: 356647101257523 cho bị hại là anh Võ Văn TX. Sau khi nhận lại tài sản, bị hại không yêu cầu giải quyết gì về phần trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 77H8-1289 là xe của anh Phạm Văn B-em ruột của bị cáo T, chiếc xe này sử dụng làm phương tiện đi lại trong gia đình, khi bị cáo T điều khiển xe mô tô nói trên để đi phạm tội, anh B và gia đình T không biết vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không thu giữ để xử lý là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với chiếc sim điện thoại gắn trong máy của anh Võ Văn TX, sau khi chiếm đoạt được điện thoại, bị cáo Phạm Văn T đã tháo sim và vứt bỏ dưới cầu D, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[8] Về hình phạt bổ sung phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, xét gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, công việc làm không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 05/5/2021.

3. Về án phí: Xử buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (10/8/2021); bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND huyện Đ (02 bản);
- Công an huyện Đ (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Đ (01 bản);
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ THAHS- TA ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Đức